

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021
và kết thúc vào ngày 30/06/2021



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	5 - 6
3. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ	11 - 35



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Hà Nội - đơn vị trực thuộc Công ty Than nội địa (nay là Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP), được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BCN ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương).

Công ty hoạt động với tên là Công ty Cổ phần Xây lắp Đông Anh - VVMI theo giấy kinh doanh số 0103000030 được đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2000 và thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 8 năm 2003, thay đổi lần 3 ngày 22 tháng 04 năm 2005. Sau đó, Công ty hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0101023733, thay đổi lần thứ 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019, vốn điều lệ của Công ty là 10.197.000.000 VND được chia thành 10.197 cổ phần, danh sách các cổ đông đến ngày 30/06/2021 như sau:

TT	Tên cổ đông	Số vốn góp (VND)	Tỷ lệ
1	Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.200.470.000	51%
2	Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	4.996.530.000	49%
Cộng		10.197.000.000	100%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng quản trị của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Đỗ Huy Hùng	Chủ tịch HĐQT
- Ông Trịnh Hoàng Nam	Ủy viên
- Ông Lê Anh Xuân	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Trịnh Hoàng Nam	Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Lê Minh Hiền	Trưởng ban
- Bà Phạm Thị Thúy Nga	Thành viên
- Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng	Thành viên

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 13/07/2021, Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ với số lượng 520.047 cổ phiếu tương ứng với lệ vốn góp là 51% vốn điều lệ tại Công ty. Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã công bố thông tin về việc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư tại Công ty, số cổ phiếu nắm giữ sau chuyển nhượng là 0 cổ phiếu tại Báo cáo số 1444/CMV-TKTCT ngày 14/07/2021 về ngày không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu. Do đó, kể từ ngày 13/07/2021 Công ty không còn là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Ngoài ra, đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

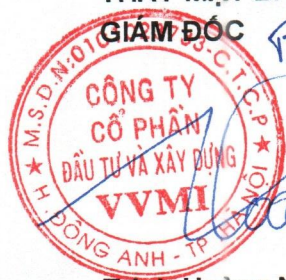
Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

THAY MẶT BAN GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

Số: 05/2021/BCSX - PKF.VPC

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI được lập ngày 09 tháng 08 năm 2021 bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 được trình bày từ trang 7 đến trang 35 kèm theo.

Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI tại ngày 30/06/2021 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Nguyễn Hoàng Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0740-2018-242-1



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.405.110.756	31.822.476.835
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.214.560.346	646.859.759
Tiền	111	5.1	1.214.560.346	646.859.759
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		19.992.392.554	28.361.006.965
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	14.266.992.991	25.542.023.116
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.388.945.352	229.438.986
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	3.336.454.211	2.589.544.863
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
Hàng tồn kho	140	5.5	3.981.295.454	2.792.082.759
Hàng tồn kho	141		3.981.295.454	2.792.082.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		216.862.402	22.527.352
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	23.150.000	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		190.916.363	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	5.10	2.796.039	22.527.352
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.375.882.028	2.466.425.098
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.2	-	-
Tài sản cố định	220		2.268.731.236	2.378.412.184
TSCĐ hữu hình	221	5.7	2.268.731.236	2.378.412.184
- Nguyên giá	222		5.287.267.190	5.287.267.190
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.018.535.954)	(2.908.855.006)
Tài sản dài hạn khác	260		107.150.792	88.012.914
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	107.150.792	88.012.914
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.780.992.784	34.288.901.933

4404
 CÔNG
 NHIỆM
 PK
 TẾT M
 QUẢN

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị: VND

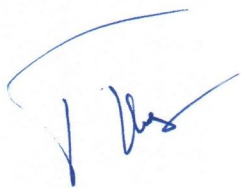
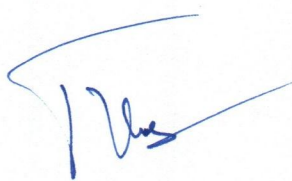
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2021	01/01/2021
NỢ PHẢI TRẢ	300		17.052.553.092	23.560.462.241
Nợ ngắn hạn	310		17.052.553.092	23.560.462.241
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	4.132.815.332	9.946.002.989
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.11	4.551.100.133	2.249.769.491
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	102.470.606	27.932.896
Phải trả người lao động	314		184.877.858	1.946.205.856
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	47.500.000
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	734.085.325	654.004.842
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.8	7.214.894.146	8.602.236.475
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		132.309.692	86.809.692
Nợ dài hạn	330		-	-
Phải trả người bán dài hạn	331	5.9	-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332	5.11	-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.12	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.728.439.692	10.728.439.692
Vốn chủ sở hữu	410	5.13	10.728.439.692	10.728.439.692
Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.197.000.000	10.197.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.197.000.000	10.197.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		329.868.660	329.868.660
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		201.571.032	201.571.032
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		201.571.032	129.100.882
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	72.470.150
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.780.992.784	34.288.901.933

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC


Nguyễn Tiến Việt

Nguyễn Tiến Việt

Trịnh Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	13.338.671.421	5.559.563.468
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		13.338.671.421	5.559.563.468
Giá vốn hàng bán	11	6.2	12.433.017.904	5.012.386.053
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		905.653.517	547.177.415
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	59.590.811	69.292.443
Chi phí tài chính	22	6.4	291.514.250	164.633.893
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		291.514.250	164.633.893
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	1.449.376.078	945.221.863
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(775.646.000)	(493.385.898)
Thu nhập khác	31	6.6	775.646.000	500.000.000
Chi phí khác	32		-	-
Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		775.646.000	500.000.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		-	6.614.102
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	-	1.322.821
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		-	5.291.281
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	-	5

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Tiến Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Việt

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào 30/06/2021


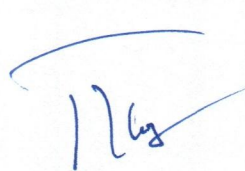
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		-	6.614.102
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		109.680.948	109.680.948
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(59.590.811)	(69.292.443)
Chi phí lãi vay	06		291.514.250	164.633.893
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		341.604.387	211.636.500
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		8.255.237.532	(4.027.075.502)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.189.212.695)	(4.522.113.448)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(5.123.133.924)	6.337.926.778
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(42.287.878)	(9.043.118)
Tiền lãi vay đã trả	14		(306.514.250)	(185.669.947)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(27.932.896)	(137.301.471)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		61.980.000	107.015.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(16.480.000)	(77.215.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.953.260.276	(2.301.840.208)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.782.640	69.292.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		1.782.640	69.292.443
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	12.012.771.677	11.411.304.851
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(13.400.114.006)	(9.819.938.747)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.387.342.329)	1.591.366.104
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50		567.700.587	(641.181.661)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		646.859.759	919.531.812
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		1.214.560.346	278.350.151

Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Tiến Việt

Nguyễn Tiến Việt



GIÁM ĐỐC

Trịnh Hoàng Nam

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI tiền thân là Xí nghiệp Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Hà Nội - đơn vị trực thuộc Công ty Than nội địa (nay là Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP), được chuyển đổi thành công ty cổ phần theo Quyết định số 08/2000/QĐ-BCN ngày 23 tháng 02 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Công ty hoạt động với tên là Công ty Cổ phần xây lắp Đông Anh theo giấy kinh doanh số 0103000030 được đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 04 năm 2000 và thay đổi lần 2 ngày 26 tháng 8 năm 2003, thay đổi lần 3 ngày 22 tháng 04 năm 2005. Sau đó, Công ty hoạt động với tên gọi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI theo giấy đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4,5,6,7 và lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019 với mã số doanh nghiệp là 0101023733 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Theo giấy đăng ký kinh doanh lần 8 ngày 30 tháng 07 năm 2019, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Xây dựng các công trình dân dụng: Xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng; xây lắp đường dây tải điện và trạm biến áp đến 35KV; xây lắp các công trình thủy lợi;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
- San đắp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, hoạt động chính của Công ty là xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng lắp đặt hệ thống điện, san đắp nền móng các công trình và làm đường bộ, cầu cống.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên Công ty là 31 người, trong đó số cán bộ quản lý là 6 người.

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư 75/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung điều 128 Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

4.1 Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021 của Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3 Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ tài chính.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|--|
| - Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa | Phương pháp đích danh |
| - Chi phí SXKD dở dang | Tập hợp chi phí trực tiếp dựa trên hoạt động bình thường |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5 Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 08 - 20 năm |
| - Phương tiện vận tải | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 năm |

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ chờ phân bổ; chi phí sửa chữa và chi CBCNV nghỉ hưu. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7 Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn;

4.8 Chi phí đi vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ trường hợp các khoản chi phí đi vay đó được tính vào (vốn hóa) giá trị tài sản do có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản hoặc sản xuất các tài sản dở dang khi có đủ điều kiện vốn hóa theo quy định tại chuẩn mực chi phí đi vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết và sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán ra đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ tài chính.

Chi phí đi vay được vốn hóa trong năm tài chính không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong năm tài chính. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng năm không vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

4.9 Vốn chủ sở hữu

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101023733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội thay đổi lần 08 cấp ngày 30 tháng 07 năm 2019 và cho đến ngày kết thúc kỳ tài chính các cổ đông đã góp vốn cổ phần vào Công ty như sau:

Nhà đầu tư	Vốn điều lệ		
	Theo Giấy CNKD (VND)	Vốn thực góp (VND)	%
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	10.197.000.000	5.200.470.000	100%
Các cá nhân khác		4.996.530.000	
Tổng cộng	10.197.000.000	10.197.000.000	100%

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các bên góp vốn sau khi được thông qua bởi Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được chia từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ góp vốn của từng cổ đông.

4.10 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận;
- (ii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.11 Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty bao gồm các khoản chi phí lãi tiền vay không được vốn hoá theo quy định phát sinh trong kỳ tài chính. Trong đó chi phí lãi tiền vay là lãi vay phải trả trong năm của các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

4.12 Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá, dịch vụ do Công ty sản xuất và cung cấp chịu mức thuế suất thuế GTGT là 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN hàng năm là 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ là chi phí thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

4.13 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông với số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		30/06/2021	01/01/2021
		(VND)	(VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	54.956.423	78.456.074
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	1.159.603.923	568.403.685
Các khoản tương đương tiền		-	-
Cộng		1.214.560.346	646.859.759

(i) Số dư tiền mặt tại quỹ vào ngày 30/06/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	- #	-
Đồng Việt Nam		54.956.423
Cộng		54.956.423

(ii) Số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 30/06/2021 bao gồm:

	Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ	- #	-
Đồng Việt Nam		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh		1.151.504.288
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đông Anh		8.099.635
Cộng		1.159.603.923

Toàn bộ số dư tài khoản tiền của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được sử dụng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.8).

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	14.266.992.991	25.542.023.116
Công ty TNHH Thương mại Ngọc Anh	8.165.175.033	12.105.463.079
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Pros	2.383.542.791	3.327.224.767
Công ty Cổ phần Nồi hơi và Thiết bị Công nghiệp Đông Anh	3.163.613.415	3.249.739.610
Các khoản phải thu khách hàng khác	554.661.752	6.859.595.660
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	14.266.992.991	25.542.023.116

Phải thu khách hàng là các bên liên quan Chi tiết tại Thuyết minh 8.3.

Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng được sử dụng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.8).

5.3 Phải thu khác

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	3.336.454.211	-	2.589.544.863	-
Vũ Quốc Phương	51.566.564	-	133.304.031	-
Nguyễn Trọng Thu	10.005.675	-	-	-
Lê Văn Nhộn	292.019.480	-	-	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.275.220.384	-	2.136.000.000	-
Tạm ứng	552.895.786	-	180.254.522	-
Phải thu khác	154.746.322	-	139.986.310	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	3.336.454.211	-	2.589.544.863	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.4 Trả trước cho người bán

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.388.945.352	229.438.986
Công ty TNHH Quỳnh Trang	212.670.986	212.670.986
Công ty TNHH PKF Việt Nam	-	7.425.000
Công ty Cổ phần Quản lý đường bộ và Xây dựng công trình Thừa Thiên Huế	-	9.343.000
Công ty TNHH Trọng Minh	2.176.274.366	-
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	2.388.945.352	229.438.986

5.5 Hàng tồn kho

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	149.485.142	-	202.176.671	-
Chi phí SXKD dở dang	3.831.810.312	-	2.589.906.088	-
Cộng	3.981.295.454	-	2.792.082.759	-

Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa và các tài sản hợp pháp khác của Công ty được sử dụng để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng hạn mức ký giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh (chi tiết xem Thuyết minh số 5.8).

5.6 Chi phí trả trước

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
a. Ngắn hạn	23.150.000	-
Chi CBCNV nghỉ hưu	23.150.000	-
b. Dài hạn	107.150.792	88.012.914
Công cụ dụng cụ dùng nhiều năm	81.852.954	51.247.675
Chi phí sửa chữa	25.297.838	36.765.239
Cộng	130.300.792	88.012.914

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.7 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	3.807.527.697	47.142.857	1.432.596.636	-	5.287.267.190
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	3.807.527.697	47.142.857	1.432.596.636	-	5.287.267.190
GIÁ TRỊ HAO MÒN					
Số dư đầu kỳ	1.518.239.248	41.506.217	1.349.109.541	-	2.908.855.006
- Khấu hao trong kỳ	58.783.440	805.236	50.092.272	-	109.680.948
- Hao mòn trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.577.022.688	42.311.453	1.399.201.813	-	3.018.535.954
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	2.289.288.449	5.636.640	83.487.095	-	2.378.412.184
Tại ngày cuối kỳ	2.230.505.009	4.831.404	33.394.823	-	2.268.731.236

Trong đó: - Giá trị còn lại tài sản cố định hữu hình thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm chờ thanh lý

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.8 Vay và nợ thuê tài chính

	01/01/2021 (VND)		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2021 (VND)	
	Giá trị	Khả năng trả nợ			Giá trị	Khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	8.602.236.475	8.602.236.475	12.012.771.677	13.400.114.006	7.214.894.146	7.214.894.146
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Anh (*)	8.602.236.475	8.602.236.475	12.012.771.677	13.400.114.006	7.214.894.146	7.214.894.146
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	8.602.236.475	8.602.236.475	12.012.771.677	13.400.114.006	7.214.894.146	7.214.894.146

(*) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/153710/HĐTD ngày 03/09/2020 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh với Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng - VVMI với hạn mức vay 15.000.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng hạn mức này, kỳ hạn và lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể. Hợp đồng được đảm bảo bằng:

- Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VNĐ và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác;
- Toàn bộ các nguồn thu hợp pháp mà Công ty là đơn vị được thụ hưởng;
- Toàn bộ giá trị vật tư, hàng hóa, tài sản hình thành từ vốn vay tại BIDV, các L/c do BIDV phát hành, tài trợ và các tài sản hợp pháp khác của Công ty.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.9 Phải trả người bán

	30/06/2021 (VND)		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn			9.946.002.989	9.946.002.989
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Thiên Phúc An Khang	-	-	158.034.250	158.034.250
Công ty TNHH Minh Tâm Quảng Ninh	-	-	1.262.095.000	1.262.095.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Công nghiệp AMAZON	93.824.067	93.824.067	1.576.481.319	1.576.481.319
Công ty TNHH Hiện Nhung Quảng Ninh	-	-	957.820.682	957.820.682
Công ty TNHH Tuổi trẻ Hoàng Ngọc	-	-	1.011.883.953	1.011.883.953
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đầu tư Hưng Thịnh Phát	580.061.564	580.061.564	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải 678 Đại Từ	728.500.438	728.500.438	-	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hoa cây cảnh Vy Khê	439.407.788	439.407.788	-	-
Công ty TNHH MTV H&H	593.739.000	593.739.000	593.739.000	593.739.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học Thiên Sơn	580.580.000	580.580.000	580.580.000	580.580.000
Phải trả cho các đối tượng khác	1.116.702.475	1.116.702.475	3.805.368.785	3.805.368.785
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	4.132.815.332	4.132.815.332	9.946.002.989	9.946.002.989

Phải trả người bán là các bên liên quan Chi tiết tại Thuyết minh 8.3.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTKP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.10 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2021 (VND)	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2021 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế GTGT	-	196.108.759	196.108.759	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.932.896	-	27.932.896	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	102.470.606	-	102.470.606
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	27.932.896	302.579.365	228.041.655	102.470.606
b. Phải thu				
Thuế GTGT	22.527.352	22.527.352	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	(2.796.039)	-	2.796.039
Cộng	22.527.352	19.731.313	-	2.796.039

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.11 Người mua trả tiền trước

	<u>30/06/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	4.551.100.133	2.249.769.491
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	1.610.361.499	1.610.361.499
Ban QLDA Đầu tư xây dựng Công trình Văn hóa xã hội Thành phố Hà Nội	2.313.495.000	-
Tổng Công ty mạng lưới Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội	627.243.634	639.407.992
b. Dài hạn	-	-
Cộng	4.551.100.133	2.249.769.491

Người mua trả tiền trước là các bên liên quan Chi tiết tại Thuyết minh 8.3.

5.12 Phải trả khác

	<u>30/06/2021</u> (VND)	<u>01/01/2021</u> (VND)
a. Ngắn hạn	734.085.325	654.004.842
Kinh phí công đoàn	34.318.471	22.470.391
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	624.063.251	624.063.251
Các khoản phải trả khác	75.703.603	7.471.200
b. Dài hạn	-	-
Cộng	734.085.325	654.004.842

Phải trả khác là các bên liên quan Chi tiết tại Thuyết minh 8.3.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI**

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

5.13 Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu (VND)	Quỹ đầu tư phát triển (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư đầu năm trước	10.197.000.000	329.868.660	129.100.882	10.655.969.542
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	72.470.150	72.470.150
- Chia trả cổ tức	-	-	-	-
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này	10.197.000.000	329.868.660	201.571.032	10.728.439.692
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-
- Chia trả cổ tức	-	-	-	-
- Phân phối các quỹ	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	10.197.000.000	329.868.660	201.571.032	10.728.439.692

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	5.200.470.000	5.200.470.000
Vốn đầu tư của đối tượng khác	4.996.530.000	4.996.530.000
Cộng	10.197.000.000	10.197.000.000

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Năm 2020 (VND)
Vốn góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	10.197.000.000	10.197.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	10.197.000.000	10.197.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Cổ phiếu

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.019.700	1.019.700
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.019.700	1.019.700
Cổ phiếu phổ thông	1.019.700	1.019.700
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.019.700	1.019.700
Cổ phiếu phổ thông	1.019.700	1.019.700
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 VND

Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Quỹ đầu tư phát triển	329.868.660	329.868.660

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ để tái đầu tư sản xuất, dự phòng rủi ro tài chính.



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Doanh thu xây lắp	11.421.974.991	5.441.534.238
Doanh thu bán hàng hóa	1.912.232.200	-
Doanh thu khác	4.464.230	118.029.230
Cộng	13.338.671.421	5.559.563.468

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Giá vốn xây lắp	10.720.578.904	5.012.386.053
Giá vốn hàng hóa	1.712.439.000	-
Cộng	12.433.017.904	5.012.386.053

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	59.590.811	69.292.443
Cộng	59.590.811	69.292.443

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Chi phí lãi vay	291.514.250	164.633.893
Cộng	291.514.250	164.633.893

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.5 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Chi phí vật liệu quản lý	83.457.482	85.076.864
Chi phí nhân viên quản lý	901.048.130	310.672.110
Chi phí khấu hao TSCĐ	109.680.948	109.680.948
Thuế và lệ phí	106.470.606	102.265.446
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.112.073	103.849.653
Chi phí khác bằng tiền	219.606.839	233.676.842
Cộng	1.449.376.078	945.221.863

6.6 Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Khoản hỗ trợ của Tổng Công ty	775.646.000	500.000.000
Cộng	775.646.000	500.000.000

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành		
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	6.614.102
- Tổng thu nhập chịu thuế	-	6.614.102
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.322.821
Cộng	-	1.322.821

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.291.281
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	-	5.291.281
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	1.019.700	1.019.700
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	5

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 (VND)	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 (VND)
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.907.243.363	3.519.630.626
Chi phí nhân công	1.570.855.041	2.111.706.268
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.680.948	109.680.948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.329.939.523	3.854.734.524
Chi phí khác bằng tiền	494.140.331	522.659.322
Cộng	13.411.859.206	10.118.411.688



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường 12.012.771.677 VND

7.2 Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ:

Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường: 13.400.114.006 VND

8. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

8.1 Công cụ tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

(i) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

(ii) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các công cụ tài chính khác.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn. Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại cụ thể đối với từng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc kỳ tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

(iii) **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn khác biệt nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây phân tích đối với tài sản tài chính và các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các luồng tiền theo hợp đồng không chiết khấu. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

	Dưới 1 năm	Từ 1 năm trở lên	Tổng cộng
Ngày 30/06/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.214.560.346	-	1.214.560.346
Phải thu khách hàng	14.266.992.991	-	14.266.992.991
Phải thu khác	3.339.250.250	-	3.339.250.250
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	18.820.803.587	-	18.820.803.587
Ngày 30/06/2021			
Các khoản vay và nợ	7.214.894.146	-	7.214.894.146
Phải trả người bán	4.132.815.332	-	4.132.815.332
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	734.085.325	-	734.085.325
Tổng cộng	12.081.794.803	-	12.081.794.803
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.739.008.784	-	6.739.008.784
Ngày 01/01/2021			
Giá trị ghi sổ:			
Tiền và các khoản tương đương tiền	646.859.759	-	646.859.759
Phải thu khách hàng	25.542.023.116	-	25.542.023.116
Phải thu khác	2.612.072.215	-	2.612.072.215
Trừ:			
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-	-
Tổng cộng	28.800.955.090	-	28.800.955.090
Ngày 01/01/2021			
Các khoản vay và nợ	8.602.236.475	-	8.602.236.475
Phải trả người bán	9.946.002.989	-	9.946.002.989
Phải trả, PN khác và chi phí phải trả	701.504.842	-	701.504.842
Tổng cộng	19.249.744.306	-	19.249.744.306
Chênh lệch thanh khoản thuần	9.551.210.784	-	9.551.210.784

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp, Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

(iv) Giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu ngắn hạn, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải trả người bán và phải trả khác là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2021	01/01/2021	30/06/2021	01/01/2021
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng, phải thu khác</i>	17.606.243.241	28.154.095.331	17.606.243.241	28.154.095.331
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	1.214.560.346	646.859.759	1.214.560.346	646.859.759
Tổng cộng	18.820.803.587	28.800.955.090	18.820.803.587	28.800.955.090
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	7.214.894.146	8.602.236.475	7.214.894.146	8.602.236.475
Phải trả người bán	4.132.815.332	9.946.002.989	4.132.815.332	9.946.002.989
Phải trả khác	734.085.325	701.504.842	734.085.325	701.504.842
Tổng cộng	12.081.794.803	19.249.744.306	12.081.794.803	19.249.744.306

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/06/2021 và ngày 01/01/2021. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

8.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo loại hình kinh doanh: Trong kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm hoạt động xây lắp, bán hàng hóa và cung cấp các dịch vụ khác. Chi tiết báo cáo bộ phận theo từng ngành nghề như sau:

	Hoạt động xây lắp VND	Hoạt động bán hàng hóa	Hoạt động khác VND	Tổng cộng VND
Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020				
Doanh thu	5.441.534.238	-	118.029.230	5.559.563.468
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn	5.012.386.053	-	-	5.012.386.053
Lợi nhuận gộp	429.148.185	-	118.029.230	547.177.415
Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021				
Doanh thu	11.421.974.991	1.912.232.200	4.464.230	13.338.671.421
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn	10.720.578.904	1.712.439.000	-	12.433.017.904
Lợi nhuận gộp	701.396.087	199.793.200	4.464.230	905.653.517

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (báo cáo thứ yếu): Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng tạo ra doanh thu cho bộ phận. Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phát sinh chủ yếu tại thị trường Hà Nội, Quảng Ninh. Do đó Công ty không trình bày báo cáo bộ phận.

8.3 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Trong kỳ tài chính bắt đầu vào ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như được trình bày dưới đây:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Loại giao dịch	Số tiền (VND)
Công ty Than Na Dương - VVMI	Cùng Tổng Công ty	Mua điện, nước	1.003.320
Công ty Cổ phần Khách sạn Thái Nguyên - VVMI	Cùng Tổng Công ty	Thuê phòng	1.818.182
Bệnh viện Than - Khoáng sản	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ xây lắp	261.481.354
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	Cùng tập đoàn	Cung cấp dịch vụ xây lắp	1.403.443.013

Vào ngày kết thúc kỳ tài chính 30/06/2021, các khoản phải thu, phải trả chủ yếu của Công ty với các bên có liên quan được thể hiện như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tài khoản	Số dư tại 30/06/2021 (VND)
Cty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	Cùng tập đoàn	Phải thu của khách hàng	98.762.163
Công ty Cổ phần Than Hà Lâm - Vinacomin	Cùng tập đoàn	Phải thu của khách hàng	234.197.729
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP	Cùng tập đoàn	Người mua trả tiền trước	1.610.361.499
Công ty Cổ phần Than Mông Dương - Vinacomin	Cùng tập đoàn	Phải trả khác	624.063.251

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát:

Lương thưởng của Ban Giám đốc

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

Tổng cộng

**Từ 01/01/2021
đến 30/06/2021**

90.720.000

90.720.000

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP MỎ VIỆT BẮC TKV - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG - VVMI

Địa chỉ: Tổ 20, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2021 và kết thúc vào ngày 30/06/2021

8.4 Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ngày 13/07/2021, Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu đang nắm giữ với số lượng 520.047 cổ phiếu tương ứng với lệ vốn góp là 51% vốn điều lệ tại Công ty. Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP đã công bố thông tin về việc không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư tại Công ty, số cổ phiếu nắm giữ sau chuyển nhượng là 0 cổ phiếu tại Báo cáo số 1444/CMV-TKTCT ngày 14/07/2021 về ngày không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu. Do đó, kể từ ngày 13/07/2021 Công ty không còn là công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Mỏ Việt Bắc TKV - CTCP.

Ngoài ra, đến ngày lập Báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào khác có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đã soát xét của Công ty bị phản ánh sai lệch.

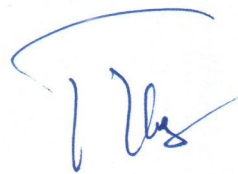
8.5 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Số liệu được dùng để so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 30/06/2020 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

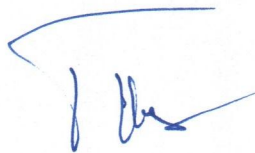
Hà Nội, ngày 09 tháng 08 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU



Nguyễn Tiến Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Việt

GIÁM ĐỐC



Trịnh Hoàng Nam

